

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2022/DS-ST

Ngày: 28 – 7 – 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm: 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp GV, xã LA, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Quách Văn M, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Chị Trương Kim Nh, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp GV, xã LA, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2022, chị Ngô Thị L trình bày: Ngày 30/4/2020, anh Quách Văn M và chị Trương Kim Nh có hỏi vay của chị số tiền 10.000.000đ, mục đích vay để cất nhà ở, lãi suất thỏa thuận 350.000đ/tháng. Khi vay tiền, không làm hợp đồng vay, chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

Sau khi vay tiền, anh M và chị Nh có trả lãi cho chị được 08 tháng thì ngưng. Sau đó, chị có yêu cầu Ban nhân dân ấp hòa giải, anh M thừa nhận số tiền nợ 10.000.000đ nhưng do tức giận trong lúc chị đòi tiền có lời lẽ nặng nề nên anh M không trả cho đến nay.

Từ nội dung trên, chỉ yêu cầu anh M và chị Nh có nghĩa vụ thanh toán cho chị 10.000.000đ tiền gốc và tính lãi từ lúc vay đến nay theo lãi suất nhà nước quy định, đòi trừ khoản lãi anh M và chị Nh trả 08 tháng trước đây.

* Trong biên bản hòa giải ngày 20/02/2022 của Tổ hòa giải ấp GV, xã LA, anh Quách Văn M trình bày: Số tiền này trước đây vợ anh hỏi vay để làm nhà khi vợ chồng anh còn sống chung, sau khi vợ chồng anh ly hôn thì anh có hứa trả cho chị L nhưng nhiều lần vợ chồng chị L đến đòi tiền đã dùng lời lẽ khiếm nhã nên anh tức giận, quyết không trả.

* Tại phiên tòa, anh M và chị Nh vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh M và chị Nh: Mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh M và chị Nh đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh M và chị Nh theo quy định.

Về việc đề nghị vắng mặt của chị L: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ biên bản hòa giải ngày 20/02/2022 của Tổ hòa giải ấp GV, xã LA, huyện T thể hiện: Anh Quách Văn M và chị Trương Kim Nh còn nợ chị Ngô Thị L 10.000.000đ, mục đích vay để xây dựng nhà ở, sau khi vợ chồng anh M, chị Nh ly hôn thì anh M có hứa trả cho chị L nhưng nhiều lần vợ chồng chị L đến đòi tiền đã dùng lời lẽ khiếm nhã nên anh M tức giận, quyết không trả. Vì vậy đã phát sinh tranh chấp nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Mặc dù anh M cho rằng không trực tiếp xác lập giao dịch nợ với chị L. Tuy nhiên, thời điểm chị Nh giao dịch nợ vay với chị L thì giữa anh M và chị Nh vẫn còn mối quan hệ sống chung như vợ chồng, cùng làm ăn và sinh hoạt, trang trải chung trong gia đình; việc giao dịch nợ vay của chị Nh cũng nhằm mục đích xây dựng nhà ở chung cho anh M và chị Nh. Mặt khác, khi giải quyết vấn đề hôn nhân, anh M và chị Nh không thoả thuận trách nhiệm trả nợ, đồng thời khi ly hôn, anh M và chị Nh chưa đặt ra việc phân chia tài sản chung của hai người. Do vậy, buộc anh M và chị Nh phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị L số tiền vay 10.000.000đ vốn gốc là hoàn toàn có căn cứ. Việc anh M và chị Nh không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh, chị phải

tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[4] Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận 3,5%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật, nay các bên có tranh chấp nên cần điều chỉnh theo quy định cho phù hợp. Xét thấy, việc giao dịch nợ vay giữa các bên được xác lập năm 2020, thời điểm này Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực thi hành, mức lãi suất cho phép giao dịch thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, chia cho 12 tháng, mỗi tháng là 1,66%.

Từ ngày 30/4/2020 đến ngày 28/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 02 năm 02 tháng 28 ngày, tiền lãi được tính như sau: $10.000.000đ \times 1,66\% \times 02 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 4.470.900đ$.

Tổng vốn và lãi: $10.000.000đ + 4.470.900đ = 14.470.900đ$.

Đối trừ 08 tháng tiền lãi mà anh M và chị Nh đã trả cho chị L 2.800.000đ, còn lại 11.670.900đ buộc anh M và chị Nh có nghĩa vụ trả cho chị L là hoàn toàn phù hợp.

[5] Về thời gian thanh toán nợ: Chị L yêu cầu anh M và chị Nh thanh toán nợ cho chị dứt điểm một lần. Xét thấy, thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[6] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị L nên anh M và chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Chị L không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L – buộc anh Quách Văn M và chị Trương Kim Nh có nghĩa vụ thanh toán cho chị L tổng số tiền 11.670.900đ (Mười một triệu sáu trăm bảy chục nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc anh Quách Văn M và chị Trương Kim Nh phải chịu 583.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Ngô Thị L không phải chịu án phí, ngày 03/6/2022, chị đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4907 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị L, anh M và chị Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải